

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VnIndex tăng điểm trước thông tin hệ thống giao dịch mới của FPT sắp được triển khai giúp giải quyết tình trạng nghẽn lệnh trên HOSE

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến giằng co theo thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, NVL

[Quan điểm đầu tư]

Tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm

24/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,379.72	+0.21
VN30	1,486.96	-0.17
HĐTL VN30F1M	1,488.00	-0.16
HNXIndex	315.08	-0.23
HNX30	496.74	-0.27
UPCoM	89.68	-0.40
USD/VND	23,010	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.08	+8
Dầu (WTI, \$)	73.48	+0.55
Vàng (LME, \$)	1,780.70	+0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,379.72 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 538.1 (-15.3%)
GTGD (triệu US\$) 803.3 (-12.4%)

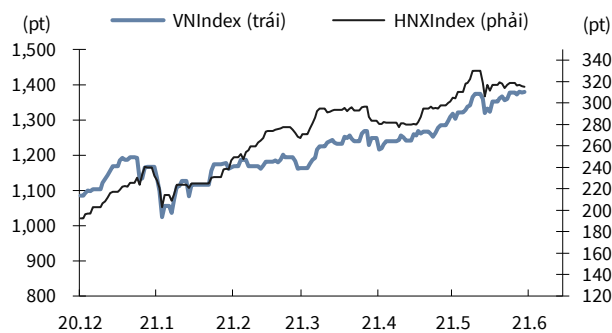
HNXIndex 315.08 (-0.23%)
KLGD (triệu CP) 89.5 (-29.2%)
GTGD (triệu US\$) 86.9 (-26.4%)

UPCoM 89.68 (-0.40%)
KLGD (triệu CP) 48.4 (-52.2%)
GTGD (triệu US\$) 37.9 (-46.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +7.6

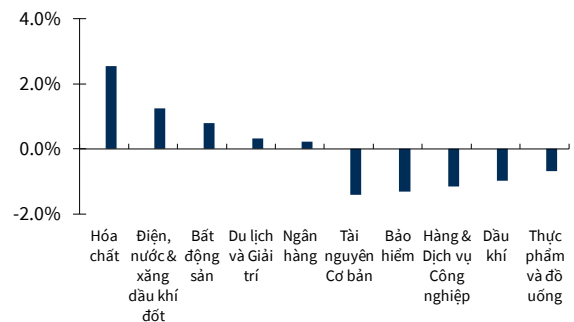
VnIndex tăng điểm trước thông tin hệ thống giao dịch mới của FPT sắp được triển khai giúp giải quyết tình trạng nghẽn lệnh trên HOSE. Theo báo cáo mới nhất của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), nguồn cung cao su toàn cầu chuyển sang thiếu hụt do Trung Quốc tăng cường mua vào khiến giá cao su tăng đã tác động tích cực tới cổ phiếu ngành cao su GVR (+3.9%), VHG (+3.3%), TNC (+3.4%). Bộ Nông nghiệp Mỹ hạ dự báo xuất khẩu gạo Việt Nam năm nay còn 6.3 triệu tấn (-1.6% so với dự báo trước) và gạo Việt Nam hiện đang chịu áp lực cạnh tranh rất lớn trước các đối thủ đến từ Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan do những quốc gia này đang có lợi thế cạnh tranh về giá bán khiến giá cổ phiếu ngành gạo giảm ở TAR (-2.2%), NSC (-1.2%), AGM (-0.3%). Theo đánh giá của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, đơn hàng xuất khẩu gỗ nửa cuối năm 2021 tiếp tục tăng, phần lớn doanh nghiệp ngành gỗ đã nhận được các đơn hàng cho tới cuối năm 2021 và ước tính đơn hàng tăng 30% so với năm 2020 giúp cổ phiếu nhóm gỗ giảm giá ở TTF (+2.4%). Khối ngoại mua ròng ở SSI (+0.6%), VHM (+0.7%), VCB (+0.91%).

VNIndex & HNXIndex



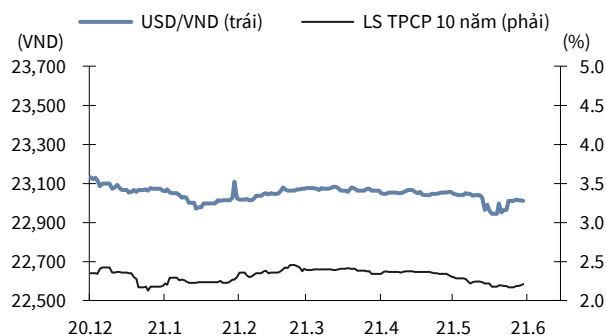
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

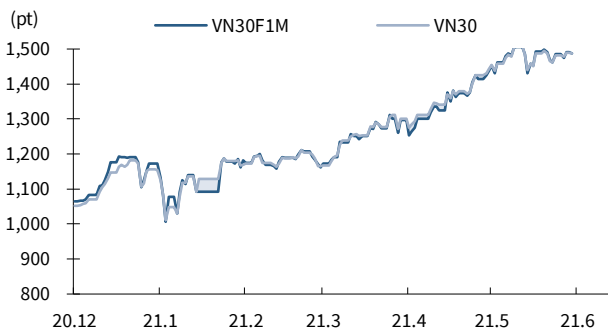
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,486.96 (-0.17%)
VN30F1M	1,488.0 (-0.16%)
Mở cửa	1,497.6
Cao nhất	1,503.0
Thấp nhất	1,478.0

HĐTL diễn biến giằng co theo thị trường cơ sở. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 11.47, giao động trong biên độ -4.2 và 5.08, đóng cửa ở mức 1.04. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không thay đổi.

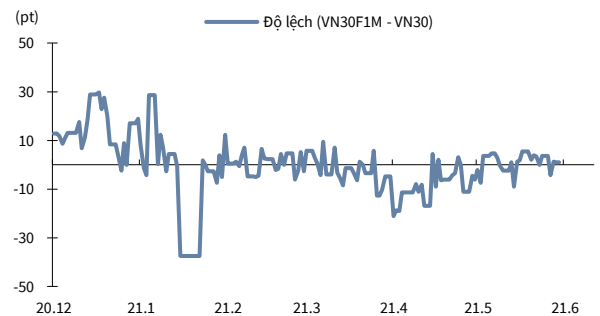
KLGD (HĐ)	205,461 (-1.0%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



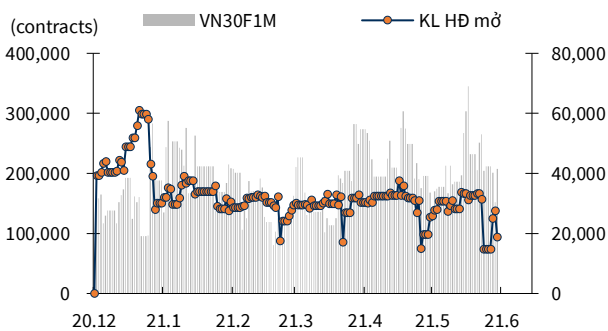
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



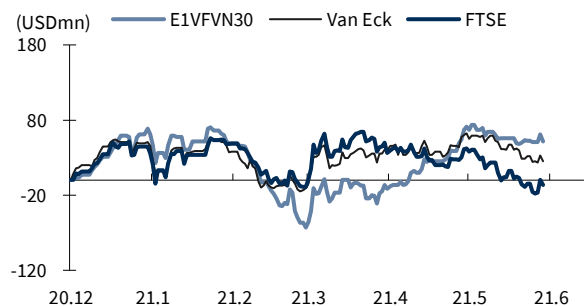
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

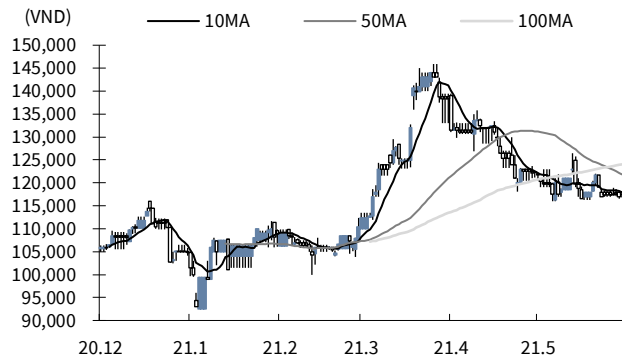
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vingroup (VIC)

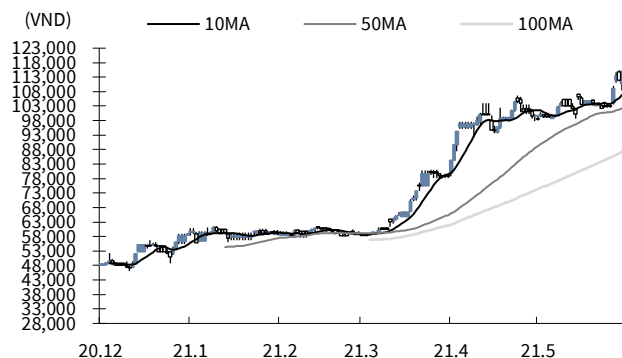


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.5% lên 117,500 VNĐ/cp.

- Vingroup thông qua kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 4,500 tỷ đồng (-1% YoY) và doanh thu 170,000 tỷ đồng (+54% YoY). Tập đoàn sẽ phát triển theo 3 trụ cột chính là công nghệ - công nghiệp - thương mại dịch vụ, trong đó VinFast dự kiến ra mắt 5 mẫu xe máy điện và 3 mẫu xe ô tô thông minh (VF e34, VF35 và VF36), nhằm giữ vững thị trường nội địa và đồng thời đưa VinFast bước ra thị trường quốc tế trong năm nay.

Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL tăng 2.7% lên 115,000 VNĐ/cp.

- V#DailyFocusTextLight CTCP Tập đoàn đầu tư Địa ốc No Va vừa thông báo đã hoàn tất phát hành thêm 5.9 triệu cổ phiếu để chuyển đổi 57.5 trái phiếu cho trái chủ là HSBC với tỷ lệ chuyển đổi 103,513.64 cổ phiếu/trái phiếu và giá chuyển đổi 44,000 đồng/cổ phiếu.

- Năm 2018, Novaland đã phát hành 1,200 trái phiếu chuyển đổi có mệnh giá là 200,000 USD/trái phiếu với lãi suất 5.5%/năm và đáo hạn vào ngày 27/4/2023.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

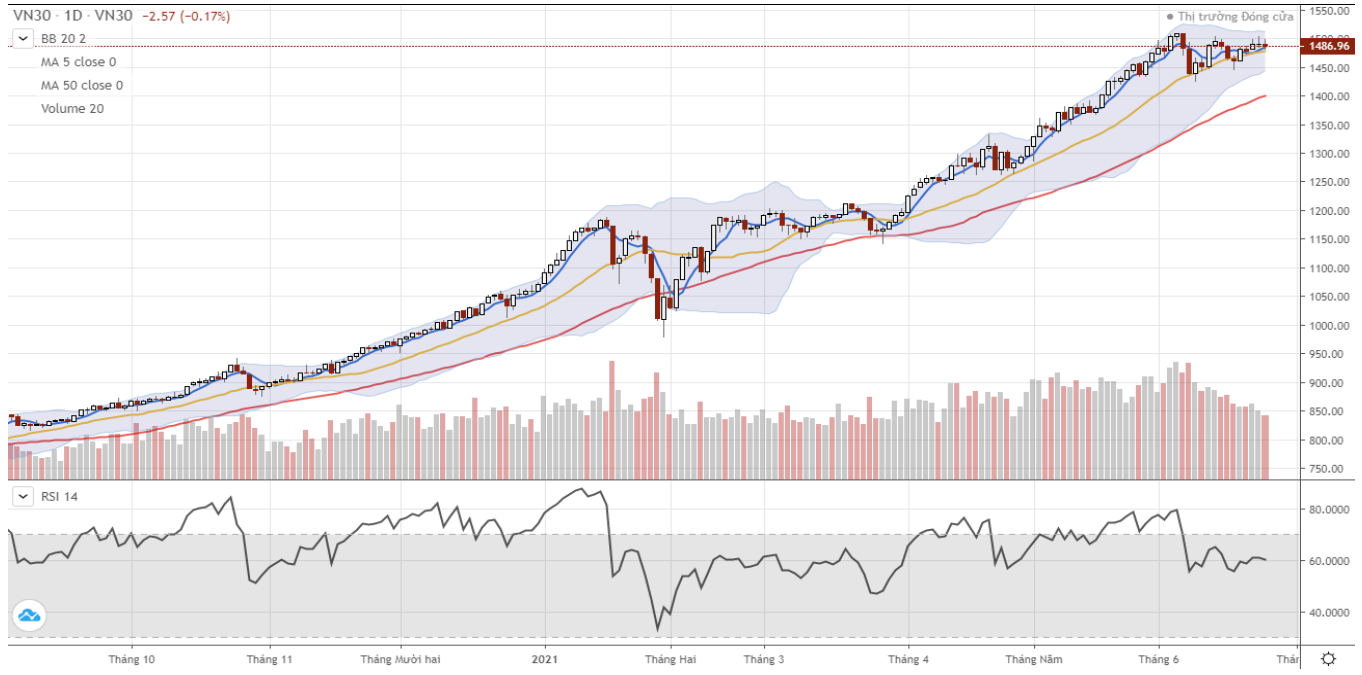
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



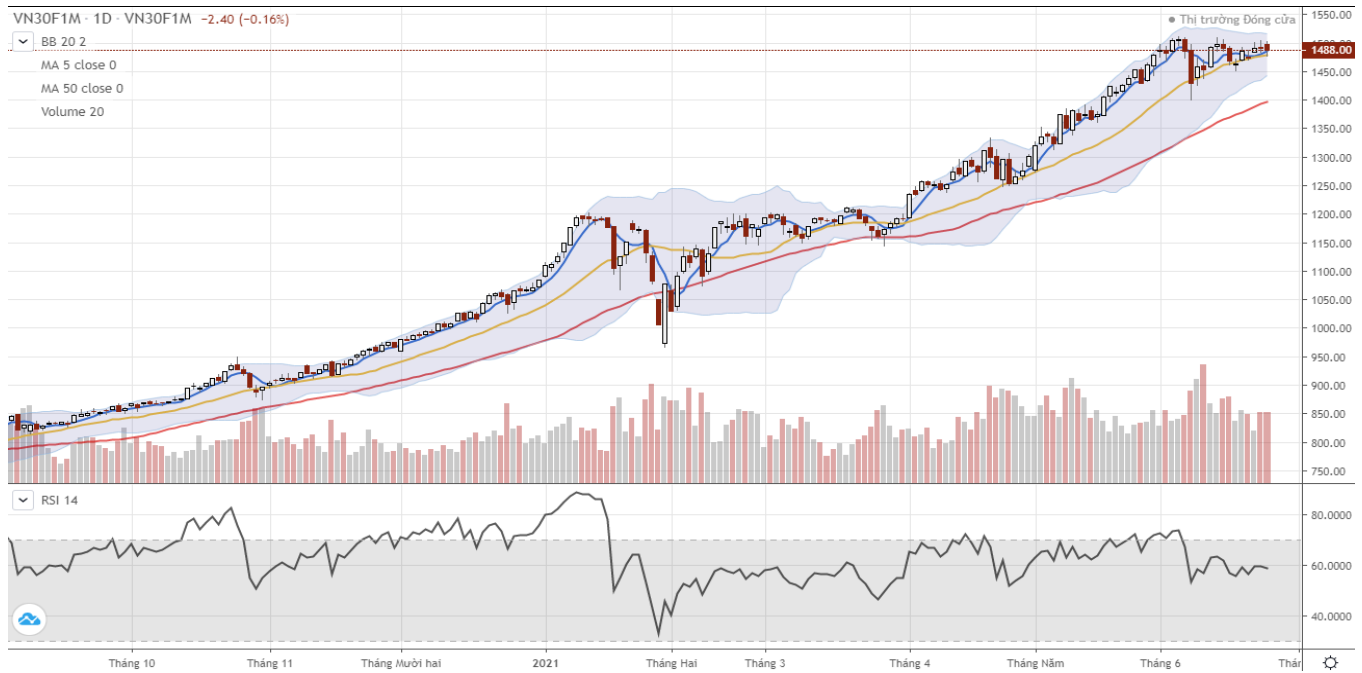
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co và tạo thêm 1 mẫu nến spinning trung tính trong phiên hôm nay.
- Xung lực tăng điểm cùng thanh khoản đang có phần suy yếu để ngỏ khả năng xuất hiện nhịp điều chỉnh. Mặc dù vậy, khi xu hướng tăng chủ đạo đang được duy trì, cơ hội tiếp tục hồi phục sau đó và hướng lên vùng kháng cự 140x vẫn được đánh giá cao hơn.
- NĐT được khuyến nghị tập trung vào việc quản lý tỷ trọng ở mức vừa phải và ưu tiên cho các vị thế ngắn hạn. Việc giảm 1 phần tỷ trọng có thể được cân nhắc trong trường hợp chỉ số tiếp tục đi lên nhưng thanh khoản sụt giảm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1501 - 1506

Kháng cự gần: 1492 - 1495

Hỗ trợ gần: 1479 - 1482

Hỗ trợ xa: 1469 - 1473

- F1 diễn biến điều chỉnh giảm cơ trong phiên hôm nay và tương quan cuối phiên có phần nghiêng về bên bán.
- Về tổng thể, chỉ số vẫn đang diễn biến đi ngang trung tính theo mẫu hình tam giác hướng lên. Mặc dù rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh là hiện hữu nhưng khi xu hướng tăng chủ đạo đang được duy trì, cơ hội tiếp tục hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và chốt lời quay vòng ngắn.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế còn lại và tuân thủ điểm Stop.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

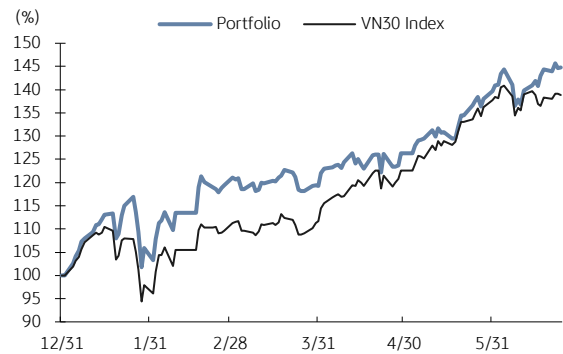
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.17%	0.10%
Tăng lũy kế (YTD)	38.87%	44.76%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	144,000	0.0%	24.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	38,600	0.0%	57.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,100	-0.7%	28.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	42,000	0.2%	147.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,400	-0.9%	65.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,700	-0.2%	191.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	53,400	1.3%	118.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,800	2.0%	30.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	50,600	-1.6%	249.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,600	0.8%	181.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	0.6%	46.2%	101.0
VHM	0.7%	22.7%	83.4
VCB	0.9%	23.4%	69.9
DXG	2.1%	25.5%	58.6
GAS	2.0%	2.6%	57.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MBB	0.2%	21.2%	-69.1
VPB	-0.6%	15.5%	-63.3
CTG	1.3%	25.1%	-60.5
VIC	0.5%	14.1%	-36.2
HSG	-1.6%	9.7%	-29.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.7%	4.0%	0.7
PVS	-1.3%	7.9%	0.6
PLC	-2.9%	2.4%	0.5
CVN	0.0%	0.9%	0.5
CEO	-1.9%	15.1%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-0.5%	18.5%	-3.4
PCG	909.0%	47.9%	-2.1
BVS	-1.0%	8.9%	-2.0
APS	-2.0%	1.6%	-0.3
BCC	-0.8%	2.1%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	3.1%	VCB, CTG
Công nghệ thông tin	2.4%	FPT, CMG
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.0%	PNJ, TCM
Bất động sản	1.8%	NVL, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.3%	GAS, PPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-5.9%	BVH, BIC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.7%	REE, APH
Ô tô và phụ tùng	-1.5%	HAX, DRC
Tài nguyên Cơ bản	-1.5%	HPG, HSG
Y tế	-0.9%	DCL, OPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	23.3%	SSI, VND
Hóa chất	20.0%	GVR, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.5%	GAS, POW
Dầu khí	7.1%	PLX, PVD
Ngân hàng	6.5%	VCB, MBB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.5%	ADG, YEG
Bán lẻ	-0.9%	ABS, PSH
Ô tô và phụ tùng	0.8%	SVC, HAX
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, RAL
Thực phẩm và đồ uống	1.8%	VNM, SBT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	253,119 (11.0)	22.5	84.8	53.5	14.7	7.7	9.0	4.3	3.9	0.5	0.4	-3.8	8.6
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	453,171 (19.7)	26.6	12.1	11.1	35.9	31.2	26.8	3.2	2.6	0.7	2.8	5.8	25.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	192,714 (8.4)	17.8	26.0	21.2	-7.6	8.8	10.1	2.3	2.1	1.6	-2.6	3.7	1.9
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	257,308 (11.2)	31.3	38.7	33.2	6.7	16.5	12.6	4.7	4.8	2.7	12.5	15.6	139.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	126,900 (5.5)	11.6	18.4	13.9	18.0	14.5	17.0	2.4	2.1	-1.8	-1.9	6.3	35.9
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	363,599 (15.8)	13.9	9.5	8.6	-	19.1	18.2	1.7	1.4	2.1	0.2	-7.1	51.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	251,782 (10.9)	6.3	18.0	15.1	11.7	22.1	21.7	3.5	2.9	0.9	6.2	13.7	13.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	224,622 (9.8)	12.7	19.3	14.1	-5.3	12.0	14.6	2.0	1.7	-0.4	-1.5	-1.7	-5.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	912,998 (39.7)	0.0	11.0	9.4	14.3	19.8	19.2	2.0	1.6	-0.4	1.4	0.0	61.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	833,811 (36.2)	1.4	12.3	10.1	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	1.3	5.7	4.3	54.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,493,317 (108.3)	0.0	12.1	11.5	18.8	21.6	18.5	2.3	1.9	-0.6	3.9	2.8	111.1
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	1,018,737 (44.3)	0.0	10.6	9.1	14.6	21.2	20.7	2.0	1.7	0.2	5.3	20.9	84.3
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	186,034 (8.1)	4.2	9.9	8.3	23.3	21.3	20.2	1.9	1.5	0.0	1.9	7.9	44.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,050,554 (45.6)	14.0	24.9	17.0	26.5	8.8	11.0	1.7	1.6	-2.5	-1.4	0.3	71.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	174,276 (7.6)	0.0	8.3	7.1	37.5	23.0	21.4	1.7	1.4	-0.3	0.7	6.9	33.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	31,463 (1.4)	0.2	42.2	22.9	27.3	5.8	10.0	2.0	1.9	-0.5	0.5	11.9	51.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	80,567 (3.5)	21.0	25.1	22.3	15.2	8.4	9.0	2.0	1.9	-1.4	-6.5	6.8	-12.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	28,181 (1.2)	14.2	17.4	13.7	9.1	9.7	11.7	1.5	1.3	-1.7	-0.8	14.6	20.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	707,256 (30.7)	55.4	20.6	16.0	-3.2	14.3	16.2	-	-	0.6	-0.6	26.1	51.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	233,791 (10.2)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.3	4.4	40.5	76.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	262,182 (11.4)	52.4	21.6	-	-19.0	17.1	-	3.0	-	-2.0	1.7	21.5	43.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	311,785 (13.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.5	-2.7	51.3	127.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	325,626 (14.2)	42.1	18.0	17.0	4.0	33.9	34.5	5.6	5.3	-1.4	-2.5	-2.7	-18.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	33,613 (1.5)	36.9	22.4	19.5	7.3	23.2	23.6	4.7	4.3	1.0	3.6	11.7	-11.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	156,124 (6.8)	16.5	46.5	26.5	-51.9	12.9	17.9	6.1	4.9	-0.3	3.4	-4.9	19.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	157,755 (6.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	0.5	4.2	-24.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	64,024 (2.8)	11.0	154.0	23.6	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	0.3	-0.9	1.8	-7.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	116,486 (5.1)	10.8	25.7	18.7	-57.0	8.6	11.5	2.0	1.9	-1.1	-3.6	9.7	30.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	56,895 (2.5)	38.4	15.1	9.1	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	-1.5	1.0	-4.2	-9.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	129,202 (5.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.6	-6.0	-2.0	166.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,224	10,411 (452)	138,292 (6.0)	37.7	9.9	15.0	-12.7	9.1	14.9	-	-	-2.2	-3.3	5.1	22.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,183 (1.3)	3.6	14.8	13.1	-52.4	4.0	4.4	0.6	0.6	0.2	4.8	14.9	-15.7
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	41,764 (1.8)	0.0	9.6	7.8	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.2	-0.9	-6.0	-4.6	15.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	99,863 (4.3)	46.1	18.4	16.8	-17.5	19.9	20.2	3.5	3.2	2.0	2.0	16.8	10.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,268 (0.4)	31.4	13.7	8.9	-10.5	10.5	16.3	-	-	0.0	1.0	8.9	-15.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,023 (0.3)	34.1	10.2	10.2	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.3	1.6	5.0	5.9	3.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,589,426 (69.1)	18.0	8.4	7.9	21.9	38.9	28.5	2.5	1.9	-1.6	-1.6	4.4	64.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	47,688 (2.1)	36.5	12.4	14.0	-0.5	9.3	7.8	1.0	1.0	-0.7	3.0	17.7	18.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	84,300 (3.7)	46.5	19.4	18.8	-4.5	9.3	9.0	1.7	-	-1.2	-1.5	12.4	42.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	498,084 (21.6)	38.9	6.4	8.2	67.9	40.8	23.3	2.1	1.6	-1.6	-3.1	17.2	101.1
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	170,627 (7.4)	97.2	12.2	13.2	17.2	10.5	11.0	1.1	1.2	0.3	-0.5	22.1	32.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	246,234 (10.7)	4.6	20.6	17.1	-51.0	15.7	16.7	2.9	2.8	-0.9	-1.2	-0.5	2.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	258,974 (11.3)	39.9	50.4	21.1	-11.9	1.6	3.5	0.7	0.6	-1.9	-2.5	14.4	42.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	129,044 (5.6)	35.9	9.8	9.2	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	-2.8	-0.9	25.4	50.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	103,739 (4.5)	0.0	13.2	10.5	13.7	28.1	28.3	3.4	2.8	0.0	3.6	-1.4	21.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	39,867 (1.7)	0.0	17.2	13.2	2.4	24.6	24.0	3.6	2.9	-0.7	2.7	-3.7	21.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,924 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-1.6	-1.9	-54.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	31,572 (1.4)	30.3	20.0	14.0	-75.2	8.5	11.8	1.7	1.6	-2.0	-4.1	3.1	-16.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	52,944 (2.3)	34.6	9.0	12.8	41.2	26.2	19.9	2.2	2.3	1.4	-3.4	5.3	-8.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,260 (0.1)	45.4	17.1	15.7	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	0.4	1.1	1.1	-7.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	257 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-0.6	-0.6	5.8	9.2
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	222,317 (9.7)	0.0	19.3	15.8	15.6	25.6	26.4	4.2	3.7	-0.2	2.5	4.2	64.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.